CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------***----------
Số: 81/EIFMC/2023 V/v: Báo cáo hoạt động Quỹ ENF	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14/08/2023*

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ

(Bán Niên 2023)

(Theo mẫu phụ lục XXV của Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán)

Kính gửi: **Vụ Quản Lý Các Công Ty Quản Lý Quỹ và Quỹ Đầu Tư Chứng Khoán**
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước

I. Thông tin về quỹ:

1. Tên của quỹ: Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Quỹ" hoặc "ENF")

   Loại hình quỹ: Quỹ mở

2. Mục tiêu đầu tư: ENF hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

3. Thời hạn hoạt động: thời gian hoạt động không xác định

4. Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio): không có

5. Chính sách phân chia lợi nhuận:

   Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

   Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai.

Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

6. Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 30/06/2023: 6.843.918,66 chứng chỉ quỹ.

7. Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo:

STT	Khoản mục, điều của Điều lệ mới	Khoản mục, điều của Điều lệ cũ	Lý do sửa đổi, bổ sung
1.	Định nghĩa – Công ty Quản lý Quỹ Điều 6 Phụ lục 1.1, Phụ lục 1.3	Định nghĩa – Công ty Quản lý Quỹ Điều 6 Phụ lục 1.1, Phụ lục 1.3	Bổ sung Giấy phép điều chỉnh của Công ty và xác định Công ty là công ty thực hiện quản lý Quỹ ENF.
2.	N/A	Định nghĩa – Danh mục Đầu tư Lớn	Bỏ định nghĩa về Danh mục Đầu tư Lớn do đã định nghĩa tại Điều 11.1.f của Điều lệ Quỹ.
3.	Định nghĩa – Đại lý phân phối	Định nghĩa – Đại lý phân phối	Bổ sung chính Công ty Quản lý Quỹ.
4.	Định nghĩa – Đơn vị Quỹ	Định nghĩa – Đơn vị Quỹ	Thay "Vốn Điều lệ" bằng "Giá trị tài sản ròng của Quỹ" để phù hợp với quy định pháp luật.
5.	N/A	Định nghĩa – Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập Quỹ	Bỏ do không cần thiết.
6.	N/A	Định nghĩa – Hợp đồng Dịch vụ	Bỏ do không cần thiết.
7.	Định nghĩa – Ngân hàng Giám sát Điều 7	Định nghĩa – Ngân hàng Giám sát Điều 7	Bổ sung Giấy phép của Ngân hàng Giám sát.

	Phụ lục 1.2, Phụ lục 1.3	Phụ lục 1.2, Phụ lục 1.3	
8.	Định nghĩa – Ngày định giá	Định nghĩa – Ngày định giá	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Thông tư 98.
9.	Định nghĩa – Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	Định nghĩa – Ngày Giao dịch Chứng chỉ Quỹ	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Thông tư 98.
10.	N/A	Định nghĩa – Ngày đóng sổ lệnh	Bỏ do không cần thiết.
11.	Định nghĩa – Người có liên quan	Định nghĩa – Người có liên quan	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Luật Chứng khoán.
12.	Định nghĩa – Giá dịch vụ Phát hành/Giá dịch vụ Mua lại	Định nghĩa – Giá dịch vụ Phát hành/Giá dịch vụ Mua lại	Làm rõ nội dung phù hợp với thực tiễn.
13.	Định nghĩa – Thời điểm đóng sổ lệnh	Định nghĩa – Thời điểm đóng sổ lệnh	Làm rõ nội dung phù hợp với thực tiễn.
14.	Điều 10, khoản 3	Điều 10, khoản 3	Điều chỉnh nội dung để chuẩn hóa theo Thông tư 98.
15.	Điều 11 khoản 1 điểm f	Điều 11 khoản 1 điểm f	Điều chỉnh nội dung để chuẩn hóa theo Thông tư 98.
16.	N/A	Điều 11 khoản 5	Bỏ do trùng lặp nội dung tại Điều 10 khoản 4.
17.	Điều 12 khoản 2	Điều 12 khoản 2	Sửa lỗi thiếu từ ("quá"), làm rõ thêm giới hạn vay của Quỹ theo Thông tư 98.
18.	Điều 16	Điều 16	Bổ sung trách nhiệm quản lý Sổ đăng ý nhà đầu tư chính của Đại lý chuyển nhượng. Điều chỉnh các thông tin phải có trong Sổ Đăng ký Nhà đầu tư và thông tin về sở hữu của từng Nhà đầu tư phù hợp với Thông tư 98.
19.	Điều 18 khoản 6, 7, 8	Điều 18 khoản 6, 7, 8	Sửa đổi nội dung về tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ phù hợp với Thông tư 98.
20.	Điều 19 khoản 2, 3	Điều 19 khoản 2, 3	Làm rõ thêm nội dung về Giá Phát hành các lần tiếp theo (sau IPO) và Giá Mua lại phù hợp với thực tiễn.

21.	Điều 21 khoản 2 điểm b	Điều 21 khoản 2 điểm b	Sửa đổi nội dung do Đại hội Nhà Đầu tư quyết định (thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công ty Quản lý Quỹ, Ngân hàng Giám sát) phù hợp với Thông tư 98.
22.	N/A	Điều 22 khoản 4	Bỏ nội dung "Đại hội Nhà Đầu tư bất thường phải được tổ chức dưới hình thức họp trực tiếp" để phù hợp với thực tiễn.
23.	Điều 23 khoản 3	Điều 23 khoản 3	Điều chỉnh quyền và nghĩa vụ của Công ty Quản lý Quỹ và Công ty Kiểm toán khi tiến hành Đại hội Nhà Đầu tư phù hợp với thực tiễn và Thông tư 98.
24.	Điều 25	Điều 25	Điều chỉnh nội dung liên quan đến việc phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu tư phù hợp với Thông tư 98.
25.	Điều 28 khoản 3	Điều 28 khoản 3	Điều chỉnh quyền của Ban Đại diện Quỹ trong việc phê chuẩn mức lợi nhuận được phân phối phù hợp với Thông tư 98.
26.	Điều 29	N/A	Bổ sung Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại diện Quỹ theo Điều lệ mẫu.
27.	Điều 32	Điều 31	Bỏ trường hợp đình chỉ thành viên Ban Đại diện Quỹ phù hợp với Thông tư 98.
28.	Điều 33 khoản 2, 4	Điều 32 khoản 2, 4	Điều chỉnh nhỏ làm rõ tỷ lệ thành việ độc lập yêu cầu.
29.	Điều 38	Điều 37	Chỉnh sửa nhỏ phần dẫn chiếu quy định.
30.	Điều 39 khoản 1 điểm l, khoản 2 điểm b	Điều 38 khoản 1 điểm l, khoản 2 điểm b	Bổ sung quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát phù hợp với Thông tư 98 và thực tiễn.
31.	Điều 41 khoản 1 điểm b, khoản 2 điểm a	Điều 40 khoản 1 điểm b, khoản 2 điểm a	Điều chỉnh về nội dung dẫn chiếu.
32.	Điều 50 khoản 3	Điều 49 khoản 3	Điều chỉnh quy định pháp luật được dẫn chiếu.

33.	Điều 54, 55	Điều 53, 54	Điều chỉnh các nội dung liên quan đến xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo Điều 20 Thông tư 98.
34.	N/A	Điều 55	Bỏ nội dung về quy trình định giá tài sản của Quỹ do Điều lệ mẫu không yêu cầu.
35.	Điều 56 khoản 5	Điều 56 khoản 5	Điều chỉnh thẩm quyền quyết định phần thanh toán của Công Ty Quản lý Quỹ trong trường hợp được đền bù thiệt hại, và thời hạn báo cáo về phương án đền bù thiệt hại, phù hợp với Điều 36 Thông tư 98.
36.	Điều 59	Điều 59	Bổ sung dẫn chiếu cho các loại chi phí hoạt động của Quỹ.
37.	Điều 62	Điều 62	Sửa đổi nhỏ về căn cứ thực hiện thanh lý và giải thể Quỹ.

8. Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo:

Đại hội nhà đầu tư năm tài chính 2022 được tổ chức ngày 31/03/2023 đã chấp thuận thông qua Nghị quyết Đại hội với những nội dung chi tiết như sau:

Điều 1: Thông qua báo cáo tình hình tài chính, tài sản và hoạt động của Quỹ cho năm 2022 đã được Công ty TNHH PwC (Việt Nam) kiểm toán độc lập.

Điều 2: Thông qua Điều lệ Quỹ ENF sửa đổi.

Điều 3: Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH PwC (Việt Nam) là công ty kiểm toán độc lập cho Quỹ trong năm tài chính 2023.

Điều 4: Phê duyệt thù lao năm 2023 cho thành viên Ban Đại diện Quỹ mỗi người là 07 triệu đồng/người/tháng và Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ là 10 triệu đồng/người/tháng; phê duyệt chi phí hoạt động cho Ban Đại diện Quỹ là 76 triệu/năm cho năm 2023.

Quỹ đã thực hiện đầy đủ việc báo cáo Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và công bố thông tin về Đại hội nhà đầu tư theo quy định của pháp luật.

9. Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát ("NHGS") về các nội dung quy định tại điều 79 của thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ("thông tư 98"): Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện nghiêm

chỉnh việc lập các báo cáo tuần, tháng, quý, bán niên, năm theo quy định cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước.

II. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ:

1. Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 30/06 của 3 năm gần nhất:

ĐVT: đồng

STT	Nội dung	Mã chỉ tiêu	30/06/2023	30/06/2022	30/06/2021
I	**Tài sản**	2200			
I.1	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**2201**	**4.833.707.678**	**26.945.977.820**	**25.207.218.865**
	Tiền	2202	4.833.707.678	10.851.637.053	8.057.301.133
	Tiền gửi ngân hàng	2203	-	16.094.340.767	17.149.917.732
I.2	**Các khoản đầu tư (kê chi tiết)**	**2205**	**190.903.145.627**	**173.915.731.478**	**183.296.656.457**
1	Cổ phiếu	2205.1	117.914.429.950	96.174.120.600	134.917.729.750
2	Trái phiếu	2205.2	2.484.225.000	9.827.700.000	
3	Các loại chứng khoán khác	2205.3	-	55.100	-
4	Đầu tư khác	2205.4	70.504.490.677	67.913.855.778	48.378.926.707
I.3	Thu từ cho thuê bất động sản đầu tư (áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)	2220			
I.4	**Cổ tức, trái tức được nhận**	**2206**	**403.835.616**	**385.731.066**	**106.425.750**
I.5	**Lãi được nhận**	**2207**	**1.901.116.126**	**1.150.523.257**	**595.666.737**
I.6	**Tiền bán bất động sản chờ thu (kê chi tiết - áp dụng đối với các quỹ được phép đầu tư bất động sản)**	**2221**			
I.7	**Tiền bán chứng khoán chờ thu (kê chi tiết)**	**2208**	**3.593.142.190**	**-**	
1	Tiền bán cổ phiếu chờ thu	2208.1	3.593.142.190	-	-
2	Tiền bán trái phiếu chờ thu	2208.2	-	-	
I.8	**Các khoản phải thu khác**	**2210**	**-**	**-**	
I.9	**Các tài sản khác**	**2211**	**-**	**-**	
I.10	**Tổng tài sản**	**2212**	**201.634.947.237**	**202.397.963.621**	**209.205.967.809**

II	**Nợ**	**2213**			
II.1	**Tiền phải thanh toán mua bất động sản (kê chi tiết)**	**2222**			
II.2	**Tiền phải thanh toán mua chứng khoán (kê chi tiết)**	**2214**	3.732.996.108	961.414.963	
1	Phải trả về mua cổ phiếu	2214.1	3.732.996.108	961.414.963	-
2	Phải trả về mua trái phiếu	2214.2	-	-	
II.3	**Các khoản phải trả khác**	**2215**	**803.414.006**	**744.630.091**	**1.022.318.704**
II.4	**Tổng nợ**	**2216**	**4.536.410.114**	**1.706.045.054**	**1.022.318.704**
	Tài sản ròng của quỹ đầu tư (I.10-II.4)	2217	197.098.537.123	200.691.918.567	208.183.649.105
	Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành	2218	6.843.918,66	6.848.260,13	6.788.778,08
	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ	2219	28.799	29.306	30.666

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 30.427 đồng/CCQ

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong vòng 12 tháng kể từ ngày báo cáo: 26.104 đồng/CCQ

2. Thu nhập, doanh thu hoạt động đầu tư trong kỳ báo cáo:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Bán niên 2023	Bán niên 2022
I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	**01**	**13.771.918.758**	**(14.846.394.750)**
1.1. Cổ tức được chia	02	1.395.706.600	838.533.735
1.2. Tiền lãi được nhận	03	3.531.445.658	2.239.232.015
1.3. Lãi, lỗ bán các khoản đầu tư	04	(3.288.406.843)	13.910.628.209
1.4. Chênh lệch tăng, giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	05	12.133.173.343	(31.834.788.709)

3. Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ trong kỳ báo cáo:

Trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

4. **Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):**

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm	
		2022	**2021**
I	**Các chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động**		
1	Tỷ lệ giá dịch vụ quản lý trả cho công ty quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	1,49	1,49
2	Tỷ lệ giá dịch vụ lưu ký, giám sát trả cho ngân hàng giám sát/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,21	0,12
3	Tỷ tệ chi phí dịch vụ quản trị quỹ và các chi phí khác mà quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	0,28	0,14
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,09	0,08
7	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại diện Quỹ/NAV trung bình trong kỳ (%)	0,16	0,14
8	Tỷ lệ chi phí/Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ (%)	2,51	2,16

5. **Tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch tốc độ vòng quay của danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối quý IV của năm tài chính):**

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Bán niên 2023	Bán niên 2022
9	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ (%) = (Tổng giá trị danh mục mua vào + tổng giá trị danh mục bán ra)/ (2xGiá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ)	2270	92,16	60,02

6. Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Tính từ khi thành lập Quỹ 25/3/2014, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 187,99%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,09%.

7. Các chỉ tiêu so sánh khác:

		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm	
		2023	**2022**
II	**Các chỉ tiêu khác**		
1	**Quy mô Quỹ đầu kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Tổng giá trị CCQ đang lưu hành đầu kỳ (VND)	68.510.806.600	68.315.641.600
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành đầu kỳ (CCQ)	6.851.080,66	6.831.564,16
2	**Thay đổi quy mô Quỹ trong kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Số lượng đơn vị quỹ phát hành thêm trong kỳ (CCQ)	18.754,82	66.782,43
	Giá trị vốn góp phát hành thêm trong kỳ (theo mệnh giá) (VND)	187.548.200	667.824.300
	Số lượng đơn vị quỹ mua lại trong kỳ (CCQ)	(25.916,82)	(50.086,46)
	Giá trị vốn góp mua lại trong kỳ khi đáp ứng lệnh của nhà đầu tư (theo mệnh giá) (VND)	(259.168.200)	(500.864.600)
3	**Quỹ cuối kỳ (tính theo mệnh giá CCQ)**		
	Tổng giá trị CCQ đang lưu hành cuối kỳ (VND)	68.439.186.600	68.482.601.300
	Tổng số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành cuối kỳ (CCQ)	6.843.918,66	6.848.260,13
4	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của Công ty Quản lý Quỹ và người có liên quan cuối kỳ (%)**	91,92	91,86
5	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của 10 nhà đầu tư lớn nhất cuối kỳ (%)**	96,48	96,62
6	**Tỷ lệ nắm giữ CCQ của nhà đầu tư nước ngoài cuối kỳ**	76,90	76,85
7	**Số nhà đầu tư tham gia vào quỹ cuối kỳ**	151	154
8	**NAV/CCQ cuối kỳ (VND)**	28.799	29.306

Khuyến cáo: các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

III. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty Quản lý Quỹ:

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty Quản lý Quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã tăng 6,00% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Tính từ khi thành lập Quỹ, NAV/đơn vị Quỹ đã tăng 187,99%, tương ứng với mức lợi nhuận ròng trung bình hàng năm 12,09%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không có danh mục tham chiếu nên không trình bày phần này.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Chiến lược đầu tư của Quỹ vẫn tập trung chủ yếu vào "phân bổ tài sản hợp lý" và "chọn lựa tài sản mục tiêu phù hợp". Quỹ tập trung vào chiến lược chọn lựa cổ phiếu đầu tư là các công ty có mô hình kinh doanh vững chắc, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực, ngành nghề ít chịu ảnh hưởng bởi đại dịch, và các ngành có tiềm năng hồi phục kinh doanh tốt sau đại dịch nhằm giới hạn đà giảm khi thị trường biến động xấu, đồng thời làm nền tảng gia tăng giá trị cho Quỹ khi thị trường hồi phục. Trong 6 tháng đầu năm 2023, tỷ trọng phân bổ đầu tư vào cổ phiếu duy trì ở mức trung bình khoảng 54,48% khi thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua năm 2022 với nhiều yếu tố rủi ro mới xuất hiện đặc biệt là các sự kiện kinh tế và địa chính trị xảy ra trên thế giới. Cuộc xung đột Nga – Ucraina, lạm phát gia tăng ở nhiều nước trên thế giới và thay đổi trong chính sách điều hành kinh tế của các nước đã gây tác động lên tâm lý nhà đầu tư và những lo ngại liên quan đến khả năng hồi phục của doanh nghiệp và nền kinh tế. Phần

còn lại Quỹ đã phân bổ vào tiền gửi ngân hàng và trái phiếu doanh nghiệp nhằm tạo nguồn thu nhập ổn định và giữ giá trị của Quỹ ở những thời điểm thị trường biến động.

Với chiến lược đầu tư như trên, giá trị tài sản của Quỹ đã có mức tăng trưởng tăng trong 6 tháng đầu năm 2023 với mức tăng NAV/ đơn vị Quỹ là 6,12%. Mức tăng chỉ số VN-INDEX là 11,2% trong 6 tháng đầu năm 2023.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

So với cuối năm 2022, tỷ trọng tài sản phân bổ vào Cổ phiếu của Quỹ trong 6 tháng đầu năm 2023 tăng và duy trì ở mức trung bình khoảng 58,48% tổng giá trị tài sản Quỹ.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Không có khác biệt so với phần thuyết minh tại mục b của phần C này, vì trong kỳ báo cáo Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chip, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small- cap) …:

Sau khi phục hồi mạnh mẽ ở các quý đầu năm 2022, tăng trưởng kinh tế Quý 4 năm 2022 đã chậm lại, tổng sản phẩm quốc nội ước tính tăng 5,92% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung cả năm 2022, tăng trưởng kinh tế vẫn ở đạt mức cao 8,02%, so với mức tăng trưởng thấp năm 2021. Tăng trưởng kinh tế tiếp tục suy giảm ở Quý 1 năm 2023, chỉ đạt 3,28%, và phục hồi nhẹ ở mức 4,14% Quý 2 năm 2023. Tính chung 6 tháng dầu năm 2023, tăng trưởng kinh tế đạt 3,72%. Đây là mức tăng trưởng thấp nhất trong vòng 12 năm qua (nếu không tính giai đoạn dịch 2020). Mức tăng trưởng thấp phần nào do suy giảm hoạt động xuất khẩu đến các thị trường như Mỹ, Châu Âu đã tác động đến ngành sản xuất của Việt Nam. Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) giảm liên tiếp về dưới mức 50 kể từ tháng 2 năm 2023 cho thấy triển vọng ngành sản xuất còn nhiều khó khăn. Ngành dịch vụ phục hồi mạnh mẽ sau dịch, nhưng cũng dần giảm tốc. Doanh số bán lẻ hàng hóa và dịch vụ được duy trì, phần nào được hỗ trợ bởi ngành dịch vụ du lịch, lưu trú và ăn uống. Việt Nam vẫn tiếp tục ghi nhận dòng vốn FDI thực hiện tầm 10 tỷ USD vào 6 tháng đầu năm 2023, tương đương mức cùng kì năm ngoái. Lạm phát cũng ghi nhận giảm dần trong 6 tháng đầu năm. Mức lạm phát trung bình 6 tháng là 3,3% so với mức mục tiêu 4,5%. Nhiều biện pháp hỗ trợ kinh tế đã được triển khai, bao gồm giảm lãi suất, giảm

thuế và phí, cũng như thúc đẩy đầu tư công… Tuy nhiên triển vọng tăng trưởng kinh tế vẫn còn nhiều thách thức.

Kết thúc phiên ngày 30/06/2023, chỉ số VNIndex đạt 1.120,18 điểm, tăng 11,2% so với cuối năm 2022. Thị trường chứng khoán trong 6 tháng đầu năm 2023 tăng điểm tốt so với cuối năm 2022 sau nhiều nỗ lực giải quyết các vướng mắc và trở ngại của thị trường bất động sản cũng như chính sách tiền tệ nới lỏng hơn. Đồng thời, thanh khoản trên thị trường cải thiện với giá trị giao dịch trung bình trên sàn HOSE đạt mức khoảng 13.500 tỷ đồng/ ngày trong quý 2 năm 2023, tăng 60,9% so với mức 8.400 tỷ đồng/ngày trong quý 1 năm 2023, nhưng vẫn giảm khoảng 21% so với giá trị giao dịch trung bình của quý 2 năm 2022. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2023, giá trị giao dịch trung bình trên sàn HOSE đạt khoảng 11.700 tỷ đồng/ngày, giảm 45,2% so với cùng kỳ năm 2022. Nhà đầu tư nước ngoài chuyển sang trạng thái bán ròng trong quý 2 năm 2023 với giá trị bán ròng trên sàn HOSE khoảng 6.010 tỷ đồng trong quý 2 năm 2023, so với mức mua ròng 5.270 tỷ đồng trong quý 1 năm 2023. Lũy kế 6 tháng đầu năm, nhà đầu tư nước ngoài bán ròng gần 740 tỷ đồng trên sàn HOSE. Trong 6 tháng đầu năm, nhóm ngành Nguyên Vật Liệu, Tài Chính, Năng Lượng, Công Nghiệp có mức tăng giá tốt hơn thị trường trong khi đó các nhóm ngành Bất Động Sản, Tiện Ích, Tiêu Dùng có mức tăng giá yếu hơn thị trường. Cổ phiếu các ngành Tiêu Dùng Thiết Yếu có mức giá tăng trưởng âm trong 6 tháng đầu năm 2023 trong bối cảnh nhu cầu tiêu dùng đang chậm lại khi kinh tế còn nhiều khó khăn.

Ghi chú: Các số liệu nêu tại mục này được tổng hợp từ các nguồn sau đây: Tổng cục Thống kê Việt Nam, Bloomberg. Do số liệu này được tổng hợp từ bên thứ ba, mặc dù đã được chúng tôi thận trọng xem xét, thẩm định, đánh giá, chúng tôi không chịu trách nhiệm về những nội dung hay sai sót của những số liệu nêu trên.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Tại ngày 30/06/2023, tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của công ty quản lý quỹ và người có liên quan là 91,92%.

m) Các thông tin khác (nếu có).

IV. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng Giám sát:

1. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định tại điều 90, điều 91 của Luật Chứng khoán và khoản 1, khoản 2 điều 75 của thông tư 98: không có

2. Công ty Quản lý Quỹ định giá sai Chứng chỉ Quỹ ("CCQ") mở:

   2.1. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là lớn theo quy định tại khoản 1 điều 36 của thông tư 98: không có

   2.2. Đối với trường hợp mức độ định giá sai là nhỏ, không phải bồi thường cho nhà đầu tư: không có

3. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay, hạn chế giao dịch tại điều 110 của Luật chứng khoán; điều 24, điều 25 và điều 35 của thông tư 98: không có

4. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định về phân phối chứng chỉ quỹ: không có

   Chi tiết về phân phối chứng chỉ Quỹ:

Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 31/12/2022	: 6.851.080,66 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ phát hành thêm trong kỳ	: 18.754,82 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ mua lại trong kỳ	: 25.916,82 CCQ
Tổng số chứng chỉ Quỹ tại cuối ngày 30/06/2023	: 6.843.918,66 CCQ

5. Công ty Quản lý Quỹ vi phạm các quy định khác mà NHGS phát hiện: không có

6. Các vấn đề khác: trong kỳ, ngân hàng giám sát ghi nhận một vấn đề như sau: không có

V. Báo cáo về hoạt động ủy quyền:

Các dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ủy quyền cho Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam). Chi tiết chi phí dịch vụ ủy quyền như sau:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Chi phí hoạt động (VNĐ)	%/ Chi phí hoạt động
3.4. Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	20.4	131.999.992	6,17%
3.5. Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	20.5	132.413.064	6,19%

Theo ghi nhận của Công ty Quản lý Quỹ, bên nhận ủy quyền đáp ứng được yêu cầu về khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ

Eastspring Investments

S.G.P: 25 - Đ.T.N.NG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ EASTSPRING INVESTMENTS
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Ngô Thế Triệu